

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

- Câu 1. Đảo Lý Sơn thuộc tỉnh nào?  
 A. Quảng Ngãi.      B. Quảng Nam.      C. Quảng Bình.      D. Quảng Trị.
- Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, tên mỏ dầu đang được khai thác ở thềm lục địa nước ta là  
 A. Bạch Hổ.      B. Lan Tây.      C. Lan Đỏ.      D. Tiền Hải.
- Câu 3. Đầu là địa điểm du lịch ở Thành phố Hồ Chí Minh?  
A. Núi Bà Đen.       B. Cảng Nhà Rồng.      C. Nhà tù Côn Đảo.      D. Đại Nam.
- Câu 4. Cây công nghiệp ở Đồng Nam Bộ được trồng nhiều nhất cả nước là  
 A. cao su.      B. chè.      C. cà phê.      D. lạc.
- Câu 5. Một hàng xuất khẩu chủ lực của Đồng bằng sông Cửu Long là  
 A. gạo.      B. chè.      C. cà phê.      D. cao su.
- Câu 6. Đầu là tên một huyện đảo của nước ta?  
A. Thổ Chu.      B. Cát Bà.      C. Cái Bầu.       D. Hoàng Sa.
- Câu 7. Một hàng xuất khẩu chủ lực của Đồng Nam Bộ là  
A. gạo.      B. than đá.      C. chè.       D. dầu thô.
- Câu 8. Trung tâm kinh tế nào thuộc vùng Đồng Nam Bộ?  
A. Long Xuyên.       B. Vũng Tàu.      C. Mỹ Tho.      D. Cần Thơ.
- Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết quốc lộ nào kết nối giữa Đồng Nam Bộ với Đồng bằng sông Cửu Long?  
 A. 13.      B. 14.       C. 1A.       D. 22.
- Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết nhà máy thủy điện Trị An được xây dựng trên sông nào?  
 A. Sông Bé.      B. Sông Vàm Cỏ.      C. Sông Sài Gòn.       D. Sông Đồng Nai.
- Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh nào có sản lượng thủy sản khai thác lớn hơn thủy sản nuôi trồng?  
 A. Kiên Giang.      B. An Giang.      C. Bạc Liêu.      D. Sóc Trăng.
- Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25 và kiến thức đã học, vườn quốc gia thuộc vùng Đồng Nam Bộ là  
A. Cát Tiên.      B. Yok Đôn.       C. Tràm Chim.       D. Núi Chúa.
- Câu 13. Quần đảo Côn Sơn (Côn Đảo) thuộc tỉnh nào?  
A. Bạc Liêu.      B. Cà Mau.       C. Bà Rịa-Vũng Tàu.      D. Sóc Trăng.
- Câu 14. Nghề làm muối phát triển mạnh ở ven biển của  
A. Bắc Trung Bộ.      B. Đồng Nam Bộ.       C. Nam Trung Bộ.      D. Bắc Bộ.
- Câu 15. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30 và kiến thức đã học, cho biết tỉnh nào không thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?  
 A. Đồng Tháp.      B. Bình Dương.      C. Đồng Nai.      D. Tiền Giang.
- Câu 16. Loại đất nào chiếm diện tích lớn ở Đồng Nam Bộ?  
 A. Đất badan, đất xám.      B. Đất cát pha.      C. Đất phù sa sông.      D. Đất phèn, đất mặn.
- Câu 17. Ý nghĩa kinh tế quan trọng hàng đầu của rừng ngập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long là  
A. cung cấp gỗ, chất đốt.       B. chắn sóng, chắn gió, giữ đất.      C. bảo tồn hệ sinh thái ven biển.      D. phát triển du lịch sinh thái.
- Câu 18. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4, 5 và kiến thức đã học, đường bờ biển nước ta kéo dài từ  
A. Quảng Ninh đến Cà Mau.      B. Móng Cái đến mũi Cà Mau.      C. Móng Cái đến Hà Tiên.      D. Hải Phòng đến Kiên Giang.
- Câu 19. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11 và kiến thức đã học, đất phù sa sông của Đồng bằng sông Cửu Long phân bố ở  
A. vùng bán đảo Cà Mau.      B. dọc biên giới Cam-pu-chia.

C. đọc các tỉnh ven biển.  
 Câu 20. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29 và kiến thức đã học, cho biết phần đất liền Đông Nam Bộ không tiếp giáp vùng nào?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.  
 C. Tây Nguyên.

- B. Duyên hải Nam Trung Bộ.  
 D. Bắc Trung Bộ.

Câu 21. Điểm giống nhau về điều kiện tự nhiên của vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. có khí hậu cận xích đạo.  
 C. có đồng bằng rộng lớn.

- B. nhiều đất badan, đất xám.  
 D. nhiều đất phèn, đất mặn.  
 mới tập trung khai thác hoạt động nào?

Câu 22. Ngành du lịch biển của nước ta hiện nay chỉ

- A. Lặn biển.  
 B. Khám phá các đảo.

- C. Tắm biển.  
 D. Thể thao trên biển.

Câu 23. Điều không phải là thế mạnh về tự nhiên của

- A. Vùng biển, đảo có nguồn hải sản phong phú.  
 C. Khoáng sản đa dạng, có trữ lượng lớn.

- B. Đồng bằng rộng lớn, khá bằng phẳng.  
 D. Đất phù sa màu mỡ, nguồn nước dồi dào.

Câu 24. Cho bảng số liệu:

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào nước ta được cấp giấy phép tính đến 31/12/2020

Khu vực	Số dự án	Số vốn đăng ký (Tỷ đô la Mỹ)
Cả nước	33062	386,2
Đông Nam Bộ	16785	161,2

(Nguồn: Niên giám thống kê 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tỉ lệ số dự án và số vốn đăng ký đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Đông Nam Bộ so với cả nước?

- A. Chiếm gần 50% số dự án và hơn 40% số vốn đăng ký cả nước.  
 B. Chiếm hơn 50% số dự án và gần 40% số vốn đăng ký cả nước.  
 C. Chiếm hơn 50% số dự án và hơn 40% số vốn đăng ký cả nước.  
 D. Chiếm gần 50% số dự án và gần 40% số vốn đăng ký cả nước.

Câu 25. Vùng biển nước ta bao gồm các bộ phận nào?

- A. Nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế.  
 B. Nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.  
 C. Nội thủy, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.  
 D. Nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

Câu 26. Điều kiện nào thuận lợi để xây dựng cảng biển ở nước ta?

- A. Ven biển có nhiều bãi cát rộng, dài.  
 B. Dọc bờ biển có nhiều titan, cát trắng.  
 C. Ven biển có nhiều vũng, vịnh.  
 D. Vùng biển có nhiều ngư trường lớn.

Câu 27. Ý nào không phải là khó khăn về điều kiện tự nhiên của vùng Đông Nam Bộ?

- A. Ô nhiễm môi trường do chất thải công nghiệp.  
 B. Diện tích rừng tự nhiên chiếm tỉ lệ thấp.  
 C. Trên đất liền ít khoáng sản.  
 D. xâm nhập mặn vào mùa khô.

Câu 28. Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản lượng lúa cả năm của Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2015-2020

Năm	2015	2018	2019	2020
Diện tích (nghìn ha)	4301,5	4107,5	4068,9	3963,7
Sản lượng (nghìn tấn)	25583,7	24506,9	24310,0	23819,3

(Nguồn: Niên giám thống kê 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tình hình sản xuất lúa của Đồng bằng sông Cửu Long ở giai đoạn trên?

- A. Diện tích lúa giảm, sản lượng lúa tăng.  
 B. Diện tích lúa và sản lượng lúa đều giảm.  
 C. Diện tích lúa và sản lượng lúa đều tăng.  
 D. Diện tích lúa tăng, sản lượng lúa giảm.

## II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 29. Trình bày tình hình phát triển sản xuất nông nghiệp của Đồng bằng sông Cửu Long. (2,0 điểm)

Câu 30. Phân tích ý nghĩa của việc đánh bắt hải sản xa bờ ở nước ta. (1,0 điểm)

--- HẾT ---

- Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.  
 - Giám thị không giải thích gì thêm.